TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST
Ngày: 25- 4- 2024
V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí đào tạo khi chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Cận;

Ông Vũ Hùng Hạnh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-LĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: " Tranh chấp bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí đào tạo khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-LĐ, ngày 22 - 2- 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (Công ty T1); địa chỉ: S Vinhomes S, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn T (Văn bản ủy quyền số 08/UQ/2024 ngày 30- 01- 2024); "có mặt".

- *Bị đơn*: Bà Bùi Hồng D, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm G, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đinh Văn O, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm G, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16- 9- 2023; đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 16- 11- 2023, bản tự khai cùng các lời khai khác tại Toà án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:

Ngày 29- 4- 2023, Công ty T1 (bên A) và bà Bùi Hồng D (bên B) ký kết Hợp đồng đào tạo số 15/2023/HĐĐT-XM với nội dung cơ bản: Bên B sẽ được Bên A đào tạo về chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ về công việc nhân viên bán hàng thông qua các công việc cụ thể ; thời gian đào tạo là 12 tháng, tính từ ngày ký kết hợp đồng ; chi phí đạo tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề cho Bên B là 30.000.0000 đồng. Giữa bà D và Công ty T1 hình thành mối quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động. Công ty T1 và hướng dẫn nghiệp vụ vận hành cửa hàng, trở thành nhân viên có thể chủ động công việc cho bà D, thời gian vừa đào tạo vừa làm việc tại Công ty Í 12 tháng.

Cùng với việc ký kết Hợp đồng đào tạo bà D có ký kết "Cam kết" về việc thực hiện "Hợp đồng đào tạo". Ông Đinh Văn O là chồng bà D ký cam kết trách nhiệm.

Ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng trên, ngày 29- 4- 2023, bà D được sắp xếp vị trí nhân viên bán hàng tại cửa hàng S; có địa chỉ tại tòa nhà S khu đô thị V, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Ngày 19- 6- 2023, Công ty đã chuyển khoản tiền hỗ trợ đào tạo, tiền phụ cấp, tiền thưởng tháng 5- 2023 số tiền 8.218.528 đồng và ngày 27- 7- 2023, đã chuyển tiền hỗ trợ đào tạo, tiền phụ cấp tháng 6- 2023 số tiền 6.271.509 đồng vào tài khoản của bà D. Ngày 26- 7- 2023, bà Bùi Hồng D có hành vi bán cho khách hàng chai nước sting vàng, khách hàng đã thanh toán tiền mặt cho bà D nhưng bà D không ra hóa đơn bán hàng; ngày 27- 7- 2023, giám sát của Công ty đã lập biên bản vi phạm và bà D đã thừa nhận hành vi trên. Bà D đã được hưởng tiền hỗ trợ đào tạo, tiền phụ cấp, tiền thưởng tháng 5- 2023 số tiền 8.218.528 đồng và tháng 6- 2023 là 6.271.509 đồng. Ngày 28- 7- 2023, bà D không đến công ty để tiếp tục làm việc, tự ý đơn phương chấm dứt quan hệ lao động trái pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu là Hợp đồng đào tạo nêu trên, cam kết của bà D, cam kết trách nhiệm của ông Đinh Văn O, Công ty X market khởi kiện yêu cầu giải quyết các nội dung:

* Yêu cầu bà Bùi Hồng D hoàn trả và bồi thường với tổng số tiền 134.490.037 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu bốn trăm chín mươi nghìn không trăm ba mươi bảy đồng) do vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng, cam kết tuân thủ, cụ thể:

+ Yêu cầu bà Bùi Hồng D hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng là khoản chi phí đào tạo do vi phạm thỏa thuận tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng đào tạo số 15/2023: "1. Chi phí để đào tạo năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề cho bên B

là 30.000.000 đồng;..3. Bên B có trách nhiệm hoàn trả chi phí đào tạo trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, kể cả khi được bên A cho phép chấm dứt".

+ Yêu cầu bà Bùi Hồng D Hoàn trả số tiền 14.490.037 đồng là tổng số tiền Công ty T1 đã phụ cấp, chi trả cho bà D trong thời gian đào tạo, do vi phạm thỏa thuận tại điểm i khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng số 15/2023: "...Sau khi kết thúc đào tạo, bên B cam kết làm việc cho bên A trong thời gian ít nhất 01 năm, trường hợp bên B vi phạm cam kết thì phải hoàn trả cho A toàn bộ chi phí đào tạo, chi phí hỗ trợ, phụ cấp và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật."

+ Yêu cầu bà D bồi thường số tiền 30.000.000 đồng do vi phạm thỏa thuận tại khoản 1, khoản 4 Điều 3 của bản Cam kết: "1. Tôi cam kết làm việc tại Công ty T2 thời gian tối thiểu: 01 năm; ...4. Trong trường hợp tôi chấm dứt đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc nghỉ trước hạn, tôi cam kết chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại xảy ra.... bồi thường thêm cho Công ty một khoản tiền tương đương 30.000.000 đồng.

+ Yêu cầu bà D bồi thường số tiền 30.000.000 đồng do vi phạm thỏa thuận tại khoản 7 Điều 7 của bản Cam kết: "...7. Trong trường hợp vi phạm cam kết về nghĩa vụ báo trước, nghĩa vụ bàn giao, tôi xin chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại xảy ra, các thiệt hại về doanh thu, uy tín, danh dự của Công ty, chi phí khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của tôi gây ra ...cam kết bồi thường thêm cho Công ty một khoản tiền tương đương 30.000.000 đồng, kể cả khi tôi đã nghỉ việc hoặc chấm dứt đào tạo"

+ Yêu cầu bà D bồi thường số tiền 30.00.000 đồng do vi phạm Hợp đồng đào tạo, cam kết gây thiệt hại cho công ty, dẫn đến các thiệt hại hữu hình và vô hình, đồng thời công ty phải tốn kém một khoản tiền liên quan đến chi phí pháp lý, tố tụng phát sinh để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của bà D gây ra.

* Yêu cầu đưa ông Đinh Văn O là chồng bà Bùi Hồng D vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vì căn cứ vào thỏa thuận và cam kết của ông Đinh Văn O tại bản Cam kết trách nhiệm đã ký, giữa ông O và bà D phát sinh quan hệ hôn nhân và gia đình, do đó nghĩa vụ chung về tài sản phát sinh trong quá trình hôn nhân, ông Đinh Văn O phải có trách nhiệm cùng bà D. Đồng thời tại thời điểm bà D ký hợp đồng đào tạo với Công ty T1, ông O có biết về công việc của bà D, ông O tự nguyện ký và chịu trách nhiệm bồi thường chung nếu bà D gây thiệt hại.

Về phía bị đơn là bà Bùi Hồng D: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định đối với bà D nhưng bà D không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm.

Ông Đinh Văn O, tại bản tự khai và tại phiên tòa ông O trình bày: Ông không nhất trí việc Công ty X market yêu cầu ông là người liên quan và có trách

nhiệm bồi thường thay vợ ông là bà Bùi Hồng D. Vì việc thực hiện Hợp đồng giữa Công ty và bà D không liên quan đến ông, bản cam kết trách nhiệm do công ty cung cấp tại Tòa án, ông có ký cam kết và viết theo mẫu do công ty cung cấp, mục đích mà ông ký xác nhận bản cam kết là do ông nghĩ bà D sẽ không bán thông tin, không trộm cắp, không lấy đồ của công ty.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa cũng đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Hồng D được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa vì vậy có căn cứ xét xử vắng mặt đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 61, 62 của Bộ luật Lao động 2019; Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 về việc yêu cầu bà Bùi Hồng D bồi thường 134.490.037 đồng. Buộc Công ty X1 market phải nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí đào tạo khi chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ vào địa chỉ nơi cư trú của bà Bùi Hồng D thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Bùi Hồng D được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có cơ sở và phù hợp.

[3] Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nay bà Bùi Hồng D không đưa ra căn cứ chứng minh để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn xác định chữ ký "Duyên" và chữ viết họ tên "Bùi Hồng D" trong văn bản có tiêu đề "Hợp đồng đào tạo", "Cam kết" là của bà Bùi Hồng D được chấp nhận.

[4] Các tài liệu xuất trình như bảng lương, bảng chấm công cũng như lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy bà Bùi Hồng D là người lao động, là

nhân viên bán hàng, làm việc theo ca, mỗi ca 8 tiếng, hưởng lương cơ bản theo tháng và được hưởng các khoản khác như tiền làm ngoài giờ, tăng ca, thưởng...Thời gian làm việc của bà D bắt đầu từ ngày 29- 4- 2023, ngay khi ký "Hợp đồng đào tạo" đến hết ngày 27- 7- 2023. Do đó bà D phải được hưởng lương của người lao động là phù hợp. Nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng minh việc chuyển khoản cho bà Bùi Hồng D là các Giấy chuyển khoản với nội dung "Xanh Market tt lương t5 2023" hay "Xanh Market tạm ứng lương t6". Số tiền 8.218.215 đồng và 6.271.509 đồng mà bà D nhận được phù hợp với "Bảng lương" tháng 5 và tháng 6, không có một khoản chi phí đào tạo nào. Ngoài ra, nguyên đơn không đưa ra tài liệu nào khác chứng minh bà D đã nhận có hỗ trợ chi phí đào tạo; không có tài liệu chứng minh về thiệt hại mà bà D đã gây ra cho Công ty T1.

[5] Công ty T1 và bà Bùi Hồng D ký kết "Hợp đồng đào tạo" với thời gian 12 tháng kể từ ngày 29- 4- 2023, nhưng Công ty T1 không có bộ phận đào tạo, không xuất trình được chương trình đào tạo cụ thể, không có tài liệu chứng minh về các chi phí đào tạo, không chứng minh được hoạt động đào tạo phát sinh chi phí đối với bà D, không có căn cứ chứng minh việc cử người đào tạo. Hơn nữa, trong tất cả các văn bản Công ty T1 xuất trình đều chứng minh bà D là người lao động hưởng lương và chịu trách nhiệm của một "nhân viên bán hàng", không xuất hiện người hướng dẫn hay người đào tạo bà D khi bà D có "vi phạm" trong quy trình bán hàng.

[6] Việc yêu cầu bà D cam kết làm việc 12 tháng như bản "Cam kết" của bà D đã ký với Công ty T1 là vi phạm quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động của người lao động như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 và Điều 35 của Bộ luật Lao động 2019. Cam kết này là mâu thuẫn với cam kết theo Hợp đồng đào tạo, theo đó bà D cam kết làm việc trong thời gian ít nhất là 12 tháng sau khi kết thúc đào tạo. Hơn nữa, theo quy định của khoản 2 Điều 62 của Bộ luật Lao động 2019 thì các bên chỉ thoả thuận với nhau "... Thời hạn cam kết phải làm việc sau khi được đào tạo" trong khi đó bà D mới tham gia "đào tạo" và làm việc tại Công ty T1 chưa đủ 3 tháng (từ ngày 29- 4- 2023 đến ngày 27- 7- 2023). Như vậy "Cam kết" làm việc 12 tháng là không có giá trị thực hiện.

[7] Về bản chất, Công ty T1 và bà D có hợp đồng lao động. Bà D đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không chứng minh được việc đã báo trước theo quy định, cũng không chứng minh việc "không cần báo trước" như quy định tại các Điều 35, 36 và 39 của Bộ luật Lao động 2019. Như vậy, bà D đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái pháp luật. Tuy nhiên, "Cam kết" làm việc 12 tháng của bà D là không có giá trị thực hiện, các bên không có thoả thuận về thời hạn lao động nên không có căn cứ để Công ty T1 đòi bà D bồi thường về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động. Hơn nữa, bà D đã làm việc từ ngày 01- 7- 2023 đến 27- 7- 2023 (28 công) nhưng chưa được nhận lương, theo như Bảng

lương tháng 7 của Công ty T1 xuất trình thì bà D còn được hưởng lương 6.005.517 đồng.

[8] Đối với yêu cầu bà D bồi thường số tiền 30.00.000 đồng do vi phạm Hợp đồng đào tạo, cam kết gây thiệt hại cho công ty, dẫn đến các thiệt hại hữu hình và vô hình, đồng thời công ty phải tốn kém một khoản tiền liên quan đến chi phí pháp lý, tố tụng phát sinh để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của bà D gây ra: Các yêu cầu khác của nguyên đơn không được chấp nhận, hơn nữa nguyên đơn không xuất trình căn cứ chứng minh thiệt hại và chi phí tố tụng phát sinh gây thiệt hại cho công ty nên yêu cầu này không được chấp nhận theo quy định tại Điều 419 của Bộ luật Dân sự.

[9] Về yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xác định ông Đinh Văn O là chồng của bị đơn bà Bùi Hồng D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông O có thừa nhận việc ký vào "Bản cam kết trách nhiệm" theo tài liệu nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên ông O phản đối việc bồi thường thay cho bà D. Đồng thời xác định trong vụ án này, phát sinh quan hệ giữa người sử dụng lao động là Công ty T1 và người lao động là bà Bùi Hồng D; việc yêu cầu Tòa án xác định ông Đinh Văn O có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do bà D gây ra trong trường hợp bà D không bồi thường cho công ty là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty T1 yêu cầu bị đơn bà Bùi Hồng D bồi thường và hoàn trả số tiền 134.490.037 đồng, cụ thể: Đòi hoàn trả 30.000.000 đồng là khoản chi phí đào tạo, hoàn trả số tiền 14.490.037 đồng là tổng số tiền Công ty T1 đã phụ cấp, chi trả cho bà D trong thời gian đào tạo; bồi thường số tiền 60.000.000 đồng do vi phạm thỏa thuận thời gian đào tạo, làm việc, thời gian báo trước khi nghỉ việc; bồi thường số tiền 30.00.000 đồng do vi phạm Hợp đồng đào tạo, cam kết gây thiệt hại cho công ty, dẫn đến các thiệt hại hữu hình và vô hình, đồng thời công ty phải tốn kém một khoản tiền liên quan đến chi phí pháp lý.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải nộp án phí giá ngạch trên số tiền không được chấp nhận theo quy định pháp luật.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 13, 35, 36, 39, 61 và 62 của Bộ luật Lao động 2019; các Điều 360, 361 và 419 của Bộ luật Dân sự 2015; xử: Không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 đối với bị đơn bà Bùi Hồng D về việc bồi thường và hoàn trả tổng số tiền 134.490.037 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 nộp 4.034.000 đồng, được đối trừ số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004406 ngày 08- 11- 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Trả lại Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 1.266.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công ty trách nhiệm hữu hạn T1, ông Đinh Văn O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Bùi Hồng D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Lưu: 02 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên